

QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN KẾT QUỐC TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI THEO TIẾP CẬN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Nguyễn Trung Kiên,
Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội
Lê Thị Hòa
Trường Đại học Tài chính- Ngân hàng Hà Nội

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và giáo dục toàn cầu, các chương trình đào tạo liên kết quốc tế đang ngày càng khẳng định vai trò quan trọng, mang lại lợi ích cả về mặt học thuật và phát triển cá nhân cho sinh viên. Những chương trình này không chỉ giúp sinh viên tiếp cận với kiến thức hiện đại mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động quốc tế. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng của các chương trình liên kết quốc tế, công tác quản lý đào tạo cần phải được chú trọng, với sự điều chỉnh thích hợp về tiêu chuẩn, quy trình và cơ chế đánh giá. Tại Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội, việc quản lý đào tạo chương trình liên kết quốc tế đặt ra nhiều thách thức, bao gồm việc điều chỉnh nội dung đào tạo sao cho phù hợp với cả tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, đảm bảo các yếu tố về cơ sở vật chất, và đào tạo đội ngũ giảng viên có trình độ cao. Do đó, tiếp cận quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng là cần thiết để tạo ra những chương trình có giá trị thực tiễn và sức hấp dẫn với sinh viên.

Từ khóa: Đảm bảo chất lượng, liên kết quốc tế, quản lý đào tạo chương trình quốc tế

MANAGEMENT OF INTERNATIONAL JOINT TRAINING PROGRAMS AT HANOI UNIVERSITY OF FINANCE AND BANKING WITH A QUALITY ASSURANCE APPROACH

Nguyen Trung Kien
University of Education – VNU, Hanoi
Le Thi Hoa
Hanoi University of Finance and Banking

Abstract: In the context of global economic and educational integration, international joint training programs are increasingly asserting their essential role, offering both academic benefits and personal development for students. These programs not only provide students with access to modern knowledge but also enhance their competitiveness in the international job market. However, to ensure the quality of international joint programs, the management of training must be emphasized, with appropriate adjustments in standards, processes, and evaluation mechanisms. At the Hanoi University of Finance and Banking, managing international joint training programs presents numerous challenges, including aligning training content to meet both domestic and international standards, ensuring adequate facilities, and training a highly qualified faculty team. Therefore, adopting a quality assurance approach in training management is essential to create practical and attractive programs for students.

Keywords: Quality assurance, international joint programs, international program management

Nhận bài: 20/9/2024

Phản biện: 23/10/2024

Duyệt đăng: 26/10/2024

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bảo đảm chất lượng (BDCL) là một khái niệm quan trọng trong quản lý chất lượng, được hiểu theo nhiều cách tiếp cận khác nhau. Theo TCVN 5814, bảo đảm chất lượng là “toàn bộ các hoạt động có kế hoạch và hệ thống, tiến hành trong hệ thống quản lý nhằm tạo sự tin tưởng rằng một thực thể sẽ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chất lượng”. Điều này khác biệt so với kiểm soát chất lượng, bởi bảo đảm chất lượng xảy ra trước và

trong quá trình sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ, nhằm phòng ngừa các lỗi xảy ra từ ban đầu. Do đó, nó đòi hỏi hệ thống được thiết kế sao cho sản phẩm hoặc dịch vụ đạt chuẩn chất lượng đã định trước. Trong lĩnh vực giáo dục, bảo đảm chất lượng thường được thực hiện thông qua các quy trình kiểm định về chương trình giáo dục, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, và các khía cạnh quản lý giáo dục khác. Theo Nguyễn Đức Chính

(2017), bảo đảm chất lượng là một quá trình quản lý chủ động nhằm ngăn ngừa các sai phạm ngay từ những bước đầu tiên của quá trình sản xuất, đảm bảo chất lượng được thiết kế ngay từ đầu cho đến khi hoàn thành. Tác giả cũng nhấn mạnh rằng bảo đảm chất lượng trong đào tạo bao gồm các hoạt động và hệ thống nhằm tạo sự tin tưởng về khả năng đáp ứng các yêu cầu chất lượng giáo dục đã đề ra.

Bảo đảm chất lượng đại học quốc tế (INQAAHE) định nghĩa bảo đảm chất lượng là “tất cả các quan điểm, hoạt động, quy trình nhằm duy trì và nâng cao các tiêu chuẩn giáo dục trong suốt quá trình tồn tại và sử dụng”. Đồng thời, nó bao gồm cả những quy trình kiểm soát chất lượng để đảm bảo các tiêu chuẩn được công nhận rộng rãi trong cộng đồng giáo dục và công chúng. ISO cũng mô tả bảo đảm chất lượng tất cả các hoạt động có hệ thống cần thiết nhằm tạo sự tự tin rằng sản phẩm hoặc dịch vụ đáp ứng yêu cầu chất lượng.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số khái niệm cơ sở

Đào tạo là quá trình giáo dục với các mục tiêu, chương trình và phương pháp cụ thể, thường nhằm hình thành kỹ năng cho người học ở các cấp độ như đào tạo nghề và đào tạo đại học. Theo Từ điển Giáo dục học, đào tạo được định nghĩa là quá trình chuyển giao tri thức, kỹ năng, và phẩm chất đạo đức nhằm chuẩn bị cho người học bước vào cuộc sống.

Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 định nghĩa chương trình liên kết quốc tế là sự hợp tác đào tạo giữa cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và một cơ sở giáo dục đại học nước ngoài để cấp bằng hoặc chứng chỉ mà không tạo ra pháp nhân mới. Chương trình liên kết có thể là chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng, với hình thức tổ chức có thể diễn ra toàn bộ hoặc một phần tại Việt Nam. Chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học là chương trình mà cơ sở giáo dục nước ngoài đã được kiểm định chất lượng và được cấp phép. Các bên liên kết phải đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo.

Bảo đảm chất lượng trong đào tạo, đặc biệt là chương trình liên kết quốc tế, dựa trên các tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng. Theo INQAAHE, chất lượng giáo dục đại học tuân theo các chuẩn quy định và thường được đánh giá dựa trên mức độ đạt mục tiêu và đầu ra của quá trình đào tạo.

Chất lượng đào tạo đại học còn được đo lường thông qua sự phù hợp giữa mục tiêu, chương trình đào tạo và năng lực của người học sau khi tốt nghiệp. ISO định nghĩa bảo đảm chất lượng là tổng hợp các cơ chế và quy c cải tiến chất lượng liên tục. Đặc biệt, trong giáo dục đại học, bảo đảm chất lượng là tổng hợp các phương thức để đạt chuẩn hoặc cải tiến liên tục.

Kết luận, bảo đảm chất lượng là một cấp độ trong quản lý chất lượng và là yếu tố quan trọng trong quản lý chất lượng tổng thể, giúp duy trì các chuẩn mực trong giáo dục đại học và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu xã hội.

2.2. Nội dung Quản lý chất lượng đào tạo chương trình liên kết quốc tế theo tiếp cận đảm bảo chất lượng

a. Xây dựng kế hoạch chiến lược bảo đảm chất lượng đào tạo chương trình liên kết quốc tế

Tiếp cận theo góc độ quản lý, kế hoạch chiến lược là một chức năng/công cụ quản lý là khâu đầu tiên của chu trình quản lý (kế hoạch - tổ chức - chỉ đạo - kiểm tra, đánh giá). Kế hoạch chiến lược là một công cụ hữu hiệu để thiết lập các ưu tiên và đưa ra các quyết định đúng đắn về tương lai. Kế hoạch chiến lược thường được xây dựng cho khoảng thời gian từ 5 đến 10 năm (ở đây không bàn đến chiến lược có tính vĩ mô hơn với tầm nhìn một vài chục năm). Tuy nhiên, cũng tùy vào mục đích của mỗi nhà trường để xây dựng mục tiêu cho mỗi bản kế hoạch chiến lược riêng. Việc lập kế hoạch tốt sẽ giúp nhà trường định hướng rõ trong tương lai, đề ra các ưu tiên và tập trung nguồn lực để thực hiện. Kế hoạch chiến lược bảo đảm chất lượng đào tạo cần được các nhà trường xây dựng với đầy đủ các nội dung từ việc xác định lại tầm nhìn, sứ mạng đến việc xây dựng kế hoạch chiến lược chính sách về chất lượng đào tạo nói chung, chương trình liên kết quốc tế nói riêng phù hợp với: chủ thể, không gian, và thời gian. Đó là kế hoạch chiến lược phù hợp với tình hình thực tiễn trong xu thế đổi mới và hội nhập. Trên cơ sở đó chiến lược đào tạo sẽ phải thay đổi/đổi mới cơ chế vận hành từ quản lý đến giám sát để luôn đáp ứng nhu cầu của đất nước, phù hợp với quốc tế.

Xây dựng chiến lược đào tạo được phân theo độ dài của thời gian: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Trong đó có chú ý đến ưu tiên chủ yếu và ưu tiên thứ yếu. Dựa vào thực trạng của các nhà trường mà có những ưu tiên cụ thể. Thông thường tập trung vào hai đối tượng chính đó là đội ngũ CBGV và người học.

Xây dựng về chính sách đối với đội ngũ CBGV: Chính sách thu hút các chuyên gia, đội ngũ CBGV có học hàm học vị cao, đội ngũ CBGV có chuyên môn giỏi: Cụ thể là chính sách tiền lương; chính sách điều kiện làm việc; chính sách đãi ngộ, bồi dưỡng; chính sách nghiên cứu khoa học,...

Xây dựng chính sách đối với người học: Chính sách học phí, học bổng/thu hút; chính sách khen thưởng; kỷ luật; chính sách đầu ra/cơ hội việc làm.

Khi xây dựng chiến lược đào tạo cần huy động nhiều đối tượng tham gia; sinh viên, CB, GV, CBQL, cộng đồng,... Bên cạnh đó cần có sự hợp tác chặt chẽ trong đào tạo với các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, nhằm đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu, mong muốn của thực tiễn đòi hỏi, thích ứng với thị trường lao động luôn luôn thay đổi.

b. Hệ thống quản lý đào tạo chương trình liên

kết quốc tế tại các trường đại học theo tiếp cận bảo đảm chất lượng

Với cách tiếp cận bảo đảm chất lượng là mô hình QLCL của một tổ chức, nhà trường, được thực hiện bằng phương pháp KĐCL với công cụ là bộ tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số KĐCL. Tuy nhiên, trong một quốc gia các bộ tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số KĐCL các trường thuộc các trình độ khác nhau sẽ khác nhau. Dù khác nhau về tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số nhưng đều thuộc mô hình BĐCL nhằm tạo niềm tin cho khách hàng, cho XH và nâng cao uy tín cho trường. Do đó, căn cứ vào nội dung bảo đảm chất lượng chương trình liên kết quốc tế tại các trường đại học từ đó xác định bộ tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số làm cơ sở cho việc khảo sát thực trạng và luận giải chuyên sâu cho các giải pháp đề xuất.

Bảng 1. Khung tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số bảo đảm chất lượng chương trình liên kết quốc tế

| Tiêu chuẩn | Tiêu chí | Chỉ số |
|---|---|---|
| Tiêu chuẩn 1. Bảo đảm chất lượng đầu vào | Tiêu chí 1. BĐCL công tác tuyển sinh | 1. Chất lượng tổ chức tuyên truyền về nhóm ngành kiến trúc và xây dựng |
| | | 2. Chất lượng xây dựng kế hoạch chỉ tiêu tuyển sinh |
| | | 3. Chất lượng xây dựng các tiêu chí xét tuyển (bao gồm năng khiếu, kỹ thuật, mỹ thuật) |
| | | 4. Chất lượng quy trình thông báo tuyển sinh |
| | | 5. Chất lượng công bố kết quả xét tuyển |
| | Tiêu chí 2. BĐCL nội dung chương trình đào tạo | 1. Chương trình đào tạo phù hợp, có điều chỉnh bổ sung theo yêu cầu thực tế nhóm ngành kiến trúc và xây dựng |
| | | 2. CTĐT do các trường ĐH cấp bằng phải đảm bảo có ít nhất 20% số môn học do giáo viên nước ngoài đảm nhiệm |
| | | 3. CTĐT do trường ĐH và đối tác nước ngoài cùng cấp bằng thiết kế theo quy trình xây dựng chương trình của đối tác nước ngoài và quy định về thiết kế chương trình của từng trường ĐH, tùy thuộc vào thỏa thuận hợp tác được kí kết giữa hai bên và được các nhà trường chấp nhận |
| | | 4. CTĐT do trường ĐH và đối tác nước ngoài cùng cấp phải đảm bảo có ít nhất 50% các môn học được giảng viên nước ngoài đảm nhiệm |
| | | 5. CTĐT do đối tác nước ngoài cấp bằng được đơn vị đào tạo lựa chọn ngành/chuyên ngành đào tạo phù hợp của đối tác nước ngoài, đề nghị bổ sung, thay thế một số môn học phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Việt Nam |

| | | |
|---|--|---|
| Tiêu chuẩn 1. Bảo đảm chất lượng đầu vào | Tiêu chí 3. BDCL đội ngũ giảng viên | 1. Chất lượng đầu vào |
| | | 2. Năng lực chuyên môn, bằng cấp |
| | | 3. Năng lực sư phạm |
| | | 4. Năng lực ngôn ngữ |
| | | 5. Trình độ ngoại ngữ |
| | | 6. Mức độ sáng tạo trong thiết kế bài giảng |
| | | 7. Sự tận tâm với nghề |
| | | 8. Sự sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ sinh viên |
| | | 9. Quy chế đánh giá giảng viên |
| | | 10. Chế độ đãi ngộ đối với giảng viên |
| | | 11. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên |
| | Tiêu chí 4. BDCL đội ngũ cán bộ quản lí | 1. Chất lượng đầu vào |
| 2. Năng lực chuyên môn, bằng cấp | | |
| 3. Năng lực lãnh đạo, quản lí | | |
| 4. Năng lực ngoại ngữ | | |
| 5. Mức độ sáng tạo trong công tác quản lí | | |
| 6. Sự tận tâm với công việc | | |
| 7. Sự sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ sinh viên | | |
| 8. Quy chế đánh giá cán bộ quản lí | | |
| 9. Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ quản lí | | |
| Tiêu chí 5. BDCL chiêu sinh, nhập học | 1. Công tác xét tuyển | |
| | 2. Thủ tục nhập học | |
| | 3. Bố trí thí sinh trúng tuyển theo đúng ngành đào tạo | |
| | 4. Bố trí lớp và chọn cử đội ngũ cán bộ lớp | |
| | 5. Tổ chức các hoạt động đầu khóa cho sinh viên (học tập nội quy, quy chế, phổ biến các chương trình, kế hoạch học tập toàn khóa...) | |
| Tiêu chí 6. BDCL cơ sở vật chất | 1. Cảnh quan, môi trường giáo dục | |
| | 2. Phòng học | |
| | 3. Điều kiện ăn, ở cho sinh viên | |
| | 4. Trang thiết bị phục vụ dạy - học | |
| | 5. Tài liệu, giáo trình | |
| | 6. Hệ thống thư viện | |
| | 7. Hội trường phục vụ sinh hoạt tập thể | |
| | 8. Điều kiện làm việc của cán bộ, giảng viên | |
| | 9. Điều kiện cho sinh viên tự học | |
| | 10. Hệ thống Internet phục vụ dạy-học | |
| | 11. Điều kiện vui chơi, giải trí | |
| | 12. Điều kiện chăm sóc sức khỏe | |
| Tiêu chuẩn 2. BDCL Quá trình đào tạo | Tiêu chí 1. BDCL quá trình đào tạo (người dạy) | 1. BDCL về việc chuẩn bị hồ sơ giảng dạy của giảng viên |
| | | 2. BDCL công tác chuẩn bị lên lớp của giảng viên |
| | | 3. BDCL hoạt động lên lớp của giảng viên |
| | | 4. BDCL hoạt động hướng dẫn sinh viên học tập |

| | | |
|--|--|--|
| Tiêu chuẩn 2. BDCL Quá trình đào tạo | Tiêu chí 1. BDCL quá trình đào tạo (người dạy) | 5. BDCL dự giờ, góp ý giờ dạy, thảo luận, thực hành của giảng viên |
| | | 6. BDCL hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với sinh viên |
| | Tiêu chí 2. BDCL quá trình đào tạo (người học) | 1. BDCL chuẩn bị bài của sinh viên (bài về nhà/thực hành, bài mới...) |
| | | 2. BDCL hoạt động trên lớp của sinh viên (giờ giấc, nghe giảng, thảo luận, nghe báo cáo thực tế, thực hành,...) |
| | | 3. BDCL hoạt động ngoại khóa của sinh viên (thể dục thể thao, sinh hoạt lớp, câu lạc bộ, đoàn thể, câu lạc bộ giao lưu, tham quan,...) |
| | | 4. BDCL hoạt động tự học của sinh viên (lập kế hoạch tự học, tổ chức các phòng học, phòng đọc, thư viện,...) |
| | | 5. BDCL hoạt động chính trị - xã hội và đoàn thể của sinh viên |
| | | 6. BDCL hoạt động thi, kiểm tra của sinh viên |
| | Tiêu chí 3. BDCL hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên | 1. Khâu ra đề, duyệt đề, in ấn đề thi |
| | | 2. Khâu coi thi, đọc phách |
| | | 3. Khâu chấm thi, lên điểm |
| | | 4. Khâu nhận xét, thông báo trả kết quả cho sinh viên |
| | | 5. Việc thực hiện cuộc vận động “chống tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục” |
| | Tiêu chí 4. BDCL các điều kiện đảm bảo hoạt động đào tạo | 1. Thực hiện các văn bản pháp quy về hoạt động đào tạo đại học liên kết quốc tế của Bộ giáo dục và Đào tạo |
| | | 2. Thực hiện các văn bản pháp quy về hoạt động đào tạo đại học liên kết quốc tế của nhà trường |
| | | 3. Các điều kiện kinh phí đầu tư cho hoạt động đào tạo đại học liên kết quốc tế |
| | | 4. Phối hợp giữa đơn vị đào tạo với đối tác nước ngoài trong quá trình dạy học |
| | | 5. Năng lực tự quản lí quá trình dạy học của giảng viên |
| | | 6. Thực hiện các nề nếp trong dạy - học của giảng viên, sinh viên |
| | Tiêu chuẩn 3. BDCL đầu ra | Tiêu chí 1. BDCL sinh viên tốt nghiệp |
| 2. BDCL nội dung thi/khoá luận | | |
| 3. BDCL các điều kiện đăng ký làm khóa luận (kết quả thi, kết quả thực tập tại các doanh nghiệp,...) | | |
| 4. BDCL chấm thi cuối khóa, chấm đồ án, khóa luận | | |
| 5. BDCL công tác xét tốt nghiệp (điều kiện xét tốt nghiệp (sinh viên) người tham gia xét tốt nghiệp (nhà trường, sinh viên xuất sắc,...) | | |

| | | |
|--|---|---|
| Tiêu chuẩn 3. BDCL đầu ra | Tiêu chí 2. BDCL đầu ra của sinh viên | 1. BDCL về các năng lực/kĩ năng của sinh viên (kiến thức chuyên ngành; kiến thức văn hoá, kinh tế- xã hội, pháp luật; làm việc độc lập, làm việc nhóm; ngoại ngữ, tin học; khả năng thích ứng và hoà nhập với môi trường;...) |
| | | 2. BDCL cấp bằng tốt nghiệp/các chứng chỉ khác đúng ngành đào tạo |
| | | 3. Xếp hạng theo bằng tốt nghiệp |
| | Tiêu chí 3. BDCL thông tin về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp | 1. Số lượng sinh viên có việc làm sau đào tạo |
| | | 2. Số lượng sinh viên có việc làm đúng với ngành nghề được đào tạo |
| | | 3. Số lượng sinh viên có việc làm không đúng với ngành nghề được đào tạo |
| | | 4. Chất lượng hiệu quả công việc của sinh viên sau đào tạo |
| | Tiêu chí 4. Khả năng thích ứng đối với các doanh nghiệp /xã hội của sinh viên tốt nghiệp | 1. Đáp ứng yêu cầu về chuyên môn về kiến trúc và xây dựng |
| | | 2. Phát huy khả năng hợp tác, tổng hợp, thuyết trình,... |
| | | 2. Khả năng làm việc độc lập, nhóm, có tinh thần cầu thị |
| | | 4. Xây dựng được các quy trình đề bạt lên vị trí cao hơn |
| | | 5. Năng lực của người tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm của bên sử dụng lao động |
| | | 6. Khả năng thích ứng với sự thay đổi nghề nghiệp |
| | Tiêu chí 5. Bảo đảm chất lượng mục tiêu đào tạo | 1. Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao |
| | | 2. Nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý |
| 3. Góp phần hiện đại hóa cơ sở vật chất của đơn vị đào tạo | | |
| 4. Nâng cao vị thế quốc tế của đơn vị đào tạo | | |
| 5. Đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế | | |

c. Nội dung quản lý đào tạo chương trình liên kết quốc tế theo tiếp cận Bảo đảm chất lượng
Bảng 2. Nội dung quản lý đào tạo chương trình liên kết quốc tế theo tiếp cận Bảo đảm chất lượng

| Hệ thống BĐCL chương trình liên kết quốc tế | Các thành tố của hệ thống BĐCL | Các công việc thực hiện | Người thực hiện |
|---|--------------------------------|--|---|
| Xây dựng hệ thống BĐCL | Đầu vào | <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình, nội dung đào tạo; - Nhân lực thực hiện; - Tuyển sinh; - Tài chính, Cơ sở vật chất. | <ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo nhà trường, cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên và cán bộ công nhân viên trong trường; - Các nhà quản trị doanh nghiệp; - Cựu SV thành đạt. |
| | Quá trình | <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình đào tạo (dạy); - Quá trình đào tạo (học); - Kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo. | Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên, nhà quản trị doanh nghiệp, cán bộ, công nhân viên và SV. |
| | Đầu ra | <ul style="list-style-type: none"> - SV tốt nghiệp; - Chuẩn đầu ra của SV; -Nguyện vọng/phản hồi của HS tốt nghiệp; | Lãnh đạo, CBQL, giảng viên, nhà quản trị doanh nghiệp, Sinh viên, cựu sinh viên |
| Vận hành hệ thống BĐCL | | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức đúng về vai trò của BĐCL đào tạo; - Đổi mới tập huấn/bồi dưỡng/ đào tạo cho cán bộ các kỹ năng vận hành công việc một cách sáng tạo và hiệu quả; - Chuẩn bị CSVC, kỹ thuật cho vận hành theo hướng đổi mới phương quản lý đào tạo. | Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên, cán bộ, công nhân viên và SV. |
| Đánh giá cải tiến hệ thống BĐCL | | <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn/bồi dưỡng cách viết báo cáo tự đánh giá theo phương thức QL mới; đề xuất cải tiến cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, công nhân viên và cán bộ quản lý trong trường. - Tổ chức chuẩn bị Báo cáo Tự đánh giá để đón đoàn đánh giá ngoài | Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên, cán bộ, công nhân viên và SV. |

2.3. Đề xuất một số biện pháp quản lý đảm bảo chất lượng cho chương trình đào tạo liên kết quốc tế tại Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội

Thứ nhất, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về đảm bảo chất lượng đối với đội ngũ lãnh đạo và cán bộ là yếu tố đầu tiên và rất quan trọng trong việc phát triển hệ thống chất lượng giáo dục. Khi mỗi thành viên trong nhà trường nhận thức sâu sắc vai trò và trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo chất lượng, chương trình liên kết quốc tế sẽ được triển khai phù hợp với sứ mạng và điều kiện thực tế của trường. Sự gắn kết này giữa trách nhiệm cá nhân và tập thể không chỉ giúp đảm bảo thực hiện đúng các mục tiêu chất lượng mà còn góp phần nâng cao uy tín của trường trong lĩnh vực đào tạo, tạo nền tảng vững chắc cho việc phát triển các chương trình hợp tác quốc tế.

Thứ hai, để đảm bảo tính hệ thống và nhất quán, việc xây dựng bộ tiêu chuẩn và tiêu chí đảm bảo chất lượng. Bộ tiêu chuẩn này sẽ cung cấp nền tảng khoa học cho các hoạt động quản lý và triển khai chương trình, giúp định hướng rõ ràng cho các cơ sở đào tạo trong việc duy trì và cải tiến chất lượng. Các tiêu chuẩn cụ thể về đầu vào, quá trình đào tạo, và đầu ra sẽ đảm bảo chương trình không chỉ đạt hiệu quả cao mà còn đáp ứng được yêu cầu khắt khe của xã hội về năng lực của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Đây là bước đi quan trọng giúp chương trình liên kết quốc tế duy trì sự cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu thực tế.

Thứ ba, nâng cao năng lực cho giảng viên và cán bộ quản lý là một yếu tố không thể thiếu trong các biện pháp đảm bảo chất lượng. Các khóa đào tạo chuyên môn và nghiệp vụ theo chuẩn quốc tế sẽ giúp giảng viên và cán bộ cập nhật kiến thức và kỹ năng cần thiết, hỗ trợ họ trong việc truyền đạt kiến thức hiệu quả và quản lý công việc tốt hơn. Việc khuyến khích tham gia các hội thảo quốc tế và chương trình trao đổi cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp giảng viên tiếp cận những phương pháp giảng dạy tiên tiến, mở rộng trải nghiệm thực tiễn và tăng cường kết nối với cộng đồng giáo dục toàn cầu.

Thứ tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy cũng là một biện pháp then chốt để nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng đào tạo. Hệ thống quản lý học tập (LMS) sẽ giúp tổ chức và lưu trữ dữ liệu học tập của sinh viên một cách hệ thống, hỗ trợ các hoạt động giảng dạy và học tập diễn ra hiệu quả hơn. Các công nghệ

tiên tiến như trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu còn giúp cán bộ quản lý nắm bắt kịp thời tình hình học tập, từ đó đưa ra các điều chỉnh phù hợp, đồng thời hỗ trợ việc giảng dạy trực tuyến, mang lại sự linh hoạt cho sinh viên trong quá trình học tập.

Thứ năm, phát triển mạng lưới hợp tác quốc tế là một trong những giải pháp giúp nâng cao vị thế của chương trình. Thông qua việc tăng cường quan hệ đối tác với các trường đại học và tổ chức giáo dục quốc tế, chương trình có thể chia sẻ tài nguyên, trao đổi kiến thức và mở rộng cơ hội học tập, nghiên cứu cho sinh viên và giảng viên. Mạng lưới hợp tác này không chỉ giúp tăng cường tính thực tiễn của chương trình mà còn khẳng định uy tín của nhà trường trong cộng đồng giáo dục quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút sinh viên và nâng cao chất lượng đào tạo.

Thứ sáu, thiết lập hệ thống phản hồi từ sinh viên và nhà tuyển dụng nhằm điều chỉnh và hoàn thiện chương trình đào tạo. Xây dựng cơ chế thu thập phản hồi từ các nhóm đối tượng này giúp chương trình linh hoạt thích nghi với nhu cầu thực tế, đảm bảo tính phù hợp và kịp thời của các nội dung giảng dạy. Những phản hồi này cung cấp cho nhà trường dữ liệu quan trọng để điều chỉnh các yếu tố liên quan đến giảng dạy, đảm bảo rằng chương trình không chỉ đáp ứng tốt các yêu cầu lý thuyết mà còn phù hợp với thực tiễn lao động và mong đợi từ phía nhà tuyển dụng.

Thứ bảy, xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường cũng là một biện pháp không thể thiếu nhằm duy trì cam kết với chất lượng đào tạo. Văn hóa chất lượng không chỉ là trách nhiệm của bộ phận kiểm định mà cần trở thành một phần không thể tách rời của mọi hoạt động trong nhà trường. Khi văn hóa chất lượng được hình thành và phát triển, mọi thành viên trong trường sẽ hiểu và thực hiện công việc của mình theo chuẩn chất lượng, không ngừng duy trì và cải tiến để tạo ra môi trường giáo dục tốt nhất. Điều này đặc biệt quan trọng với chương trình đào tạo liên kết quốc tế, vì văn hóa chất lượng giúp duy trì sự bền vững trong các hoạt động liên kết và nâng cao uy tín của chương trình.

Thứ tám, cần tăng cường kiểm định và đánh giá chất lượng thông qua các đợt kiểm định định kỳ, cả ở cấp độ nội bộ và quốc tế. Việc tham gia các tổ chức kiểm định quốc tế không chỉ nâng cao uy tín của chương trình mà còn giúp cập nhật và điều chỉnh chương trình để đáp ứng tốt các tiêu chuẩn giáo dục quốc tế. Các đợt kiểm định này đảm

bảo rằng chương trình đào tạo liên kết quốc tế không chỉ đạt chuẩn mà còn liên tục cải tiến, tạo ra sự khác biệt trong chất lượng đào tạo và đáp ứng kỳ vọng của xã hội về giáo dục chất lượng cao.

III. KẾT LUẬN

Quản lý chương trình liên kết quốc tế tại Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội theo hướng đảm bảo chất lượng là yêu cầu thiết yếu trong bối cảnh hội nhập toàn cầu ngày càng sâu rộng. Các chương trình này không chỉ giúp nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng cho sinh viên mà còn mở ra nhiều cơ hội phát triển nghề nghiệp trên thị trường quốc tế. Việc thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng chặt chẽ sẽ hỗ

trợ nhà trường trong việc duy trì tiêu chuẩn đào tạo, từ đó củng cố uy tín và thương hiệu, thu hút sinh viên trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, chất lượng chương trình còn là yếu tố then chốt giúp Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội khẳng định vị thế trong hệ thống giáo dục đại học quốc tế. Khi các chương trình đạt tiêu chuẩn cao, sinh viên và giảng viên sẽ có cơ hội mở rộng hợp tác và học hỏi từ các môi trường giáo dục tiên tiến trên thế giới. Điều này không chỉ góp phần hình thành một cộng đồng học thuật đa dạng mà còn đảm bảo rằng sinh viên tốt nghiệp có thể tự tin cạnh tranh trên trường quốc tế. Qua đó, trường sẽ đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của giáo dục đại học Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Đức Chính** (2017), *Quản trị trường đại học theo hướng tiếp cận đảm bảo chất lượng*. Nxb ĐHQG Hà Nội
- Nguyễn Văn Dung** (2021), *Ứng dụng các tiêu chuẩn AUN-QA trong bảo đảm chất lượng giáo dục tại các trường đại học Việt Nam*. Tạp chí Khoa học và Giáo dục, (5), tr. 45-55.
- Phạm Thị Lan Hương** (2020), *Phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ trong các trường đại học ở Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Quản lý Giáo dục, ĐHQG Hà Nội.
- Trần Thị Hồng Hạnh** (2022), *Bảo đảm chất lượng trong giáo dục đại học theo hướng tích hợp TQM và các tiêu chuẩn AUN-QA*. Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- Đào Minh Hoàng** (2021), *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đại học tại Việt Nam*. Tạp chí Giáo dục Việt Nam, số 3, tr. 67-73.
- Lê Thị Thúy** (2019), *Bảo đảm chất lượng trong đào tạo nghề và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Nghề nghiệp, (58), tr. 80-85.
- Nguyễn Thị Bích Liên** (2023), *Quản lý chất lượng giáo dục đại học: Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.
- Vũ Văn Long** (2022), *Áp dụng mô hình PDCA trong bảo đảm chất lượng giáo dục ở các trường đại học công lập Việt Nam*. Luận văn Thạc sĩ Quản lý Giáo dục, Viện KHGD Việt Nam
- Phan Văn Phúc** (2020). *Mô hình bảo đảm chất lượng trong giáo dục đại học tại Đông Nam Á: So sánh và bài học cho Việt Nam*. Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội, (2), tr. 125-130.